



CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
Kính chúc Quý vị và gia đình
một mùa Giáng sinh an lành, ấm áp
và một Năm mới hạnh phúc, an khang!

MERRY
CHRISTMAS

& HAPPY NEW YEAR 2024



MARKET LENS

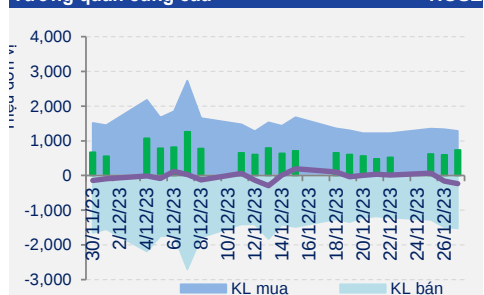
27/12/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

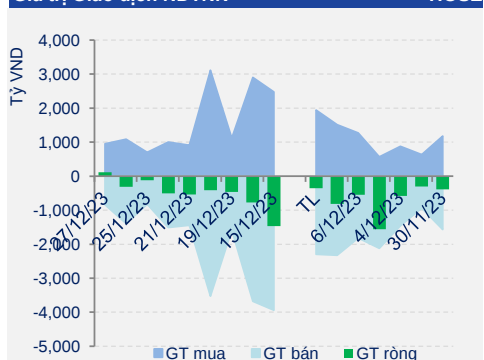
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,121.99	230.60
% Thay đổi	↓ -0.02%	↓ -0.29%
KLGD (CP)	732,209,292	67,040,671
GTGD (tỷ đồng)	19,312.04	1,222.74
Tổng cung (CP)	1,520,140,724	143,908,700
Tổng cầu (CP)	1,285,193,968	109,592,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	24,857,563	602,879
KL mua (CP)	28,459,177	618,004
GT mua (tỷ đồng)	950.69	14.67
GT bán (tỷ đồng)	836.17	19.09
GT ròng (tỷ đồng)	114.51	(4.42)

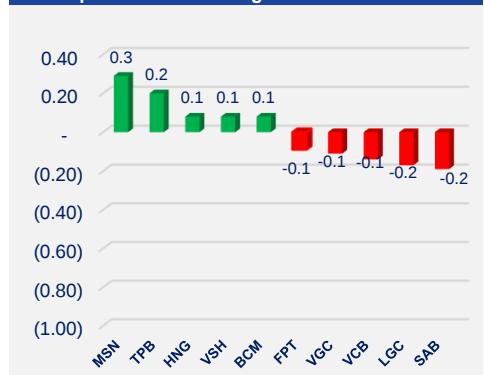
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên tăng điểm trước, VN-INDEX đầu phiên giao dịch hôm nay tiếp tục tăng điểm quanh vùng 1.125 điểm, sau đó chịu áp lực điều chỉnh rung lắc. Kết phiên VN-INDEX giảm nhẹ 0,26 điểm (-0,02%) về mức 1.121,99 điểm, vẫn chưa thể vượt lên trên đường giá trung bình MA200 phiên. HNX-INDEX giảm 0,66 điểm (-0,29%) về mức 230,6 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết nghiêng về tiêu cực, áp lực bán ngắn hạn gia tăng khi thị trường đang trong giai đoạn kết thúc năm giao dịch 2023 với 325 mã giảm giá (07 mã giảm sàn), 300 mã tăng giá (14 mã tăng trần) và 182 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 20.529,06 tỉ đồng được giao dịch, tăng 29.02% so với phiên trước khi các giao dịch thỏa thuận gia tăng mạnh, khối lượng giao dịch trên sàn HOSE giảm nhẹ so với phiên trước, cho thấy mức độ phân hóa mạnh, áp lực điều chỉnh tương đối bình thường khi thị trường còn 02 phiên giao dịch là kết thúc năm đầu tư 2023. Khối ngoại sau 19 phiên liên tiếp bán ròng đột biến đã mua ròng nhẹ trở lại với giá trị 114,51 tỉ đồng, tập trung mua ròng trở lại các nhóm mã thép, ngân hàng, dịch vụ tài chính vốn đã chịu áp lực bán mạnh trong thời gian qua; bán ròng trên HNX với giá trị 4,42 tỷ đồng.

Quy định mới về phát hành riêng lẻ trái phiếu Chính phủ. Từ ngày 15/1/2024, Nghị định số 83/2023 của Chính phủ sẽ chính thức có hiệu lực. Nghị định này sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 83/2023 sửa đổi, bổ sung Điều 17 Phát hành riêng lẻ trái phiếu Chính phủ như: Phát hành riêng lẻ là phương thức bán trực tiếp trái phiếu Chính phủ cho từng đối tượng mua hoặc lựa chọn ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài làm đại lý phân phối và thanh toán trái phiếu Chính phủ (đại lý phân phối) cho đối tượng mua. Kho bạc Nhà nước xây dựng phương án phát hành trái phiếu Chính phủ theo phương thức riêng lẻ báo cáo Bộ Tài chính chấp thuận.

Thị trường không có nhiều diễn biến tích cực, nổi bật trong bối cảnh chỉ còn 02 phiên là kết thúc năm 2023, có lẽ diễn biến nổi bật nhất là giao dịch thỏa thuận với khối lượng thỏa thuận đột biến lên đến 206,06 triệu cổ phiếu, tương ứng với giá trị thỏa thuận 7.129.089 tỉ đồng, chiếm gần 37% thanh khoản trên sàn HOSE trong phiên hôm nay.

Trong khi thị trường phân hóa mạnh hơn, nhóm mã trong VN30 tích cực trở lại với VN30 tăng điểm nhẹ sau khi khối ngoại mua ròng nhẹ trở lại. Điều này có thể kỳ vọng cải thiện tâm lý ngắn hạn của nhà đầu tư với đa số các mã nhóm ngân hàng tăng giá nhẹ, thanh khoản gia tăng khá tốt quanh mức trung bình như TPB (+2,06%), NAB (+1,32%), MSB (+0,79%), HDB (+0,52%)... ngoài NVB (-4,42%)... điều chỉnh sau phiên tăng mạnh.

Nhóm cổ phiếu bán lẻ cũng có diễn biến khá tích cực với PET (+2,36%) sau khi thông tin ban giám đốc đã mua vào cổ phiếu, MSN (+1,21%), MWG (+0,35%)..., đa số các nhóm ngành khác phân hóa khá tích cực, áp lực điều chỉnh nhẹ với khối lượng giao dịch giảm.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2401 giảm 4,6 điểm (-0,31%), chênh lệch dương thu hẹp còn 0,96 điểm so với VN30 sau khi chênh lệch mạnh phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng tăng nhẹ, dưới mức trung bình, khối lượng mở OI giảm nhẹ. Xu hướng ngắn hạn VN30F2401 khá tích cực trên hỗ trợ gần nhất 1.115 điểm và kháng cự quanh 1.123 điểm. Các kỳ hạn VN30F2402, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ -0,64 điểm đến 2,06 điểm, thể hiện các trader vẫn lạc quan về xu hướng tăng của VN30, ưu tiên vị thế mua ngắn hạn và phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở kỳ hạn dài.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Vn-Index chứng lại khi tiệm cận đường cản trên của kênh tích lũy nhưng xu hướng tăng vẫn có thể tiếp diễn bởi điểm số vẫn còn dư địa tăng khi chưa chạm ngưỡng cản trên của kênh tích lũy trung hạn 1.150-1.250. Chốt phiên thị trường giảm nhẹ -0.26 điểm (-0,02%) và đóng cửa ở 1.121,99 điểm, vận động của VnIndex củng cố và hình thành kênh tích lũy tin cậy dần. Trong ngắn hạn phiên chứng lại hôm nay thị trường lưỡng lự trước việc VnIndex sắp chạm ngưỡng cản là vận động bình thường và chúng tôi vẫn kỳ vọng thị trường hướng tới mục tiêu cản gần 1.130 điểm.

Về trung hạn VnIndex sẽ cần tiến tới khu vực cân bằng để hình thành nền tích lũy mới khả năng trong khu vực 1.100 điểm - 1.150 điểm. Trong trường hợp tích cực hơn VnIndex có thể tích lũy trong vùng cao hơn 1.150 điểm - 1.250 điểm.

Thị trường đang trong nhịp tăng ngắn hạn trong kênh tích lũy (swing) trung hạn, mục tiêu của VnIndex hướng tới trong ngắn hạn là khu vực 1.130 điểm - 1.150 điểm. Nhà đầu tư ngắn hạn cần thận trọng khi Vn-Index đang dần tiệm cận cản trên của kênh tích lũy và có thể có rung lắc, điều chỉnh. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục và có thể giải ngân dần vào các mã mục tiêu.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

27/12/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
PET	28.15	24.5-25.5	31-32	23	38.3	-6.6%	-20.7%	Theo dõi giải ngân
CSV	41.25	38-39.5	44-46	35	8.9	-29.0%	-52.5%	Theo dõi giải ngân
DPM	33.40	31-33	38-39	29	8.3	-17.2%	-93.6%	Theo dõi giải ngân
KBC	31.50	30.5-31.2	34-35	29	16.6	21.6%	-99.3%	Theo dõi giải ngân
PVD	28.30	26-27	30-31	25	36.2	11.2%	546.3%	Theo dõi giải ngân
HCM	33.40	30-31	34-35	29	24.6	8.5%	29.7%	Theo dõi giải ngân
VSC	28.80	27-28.6	33-34	25	28.5	9.8%	-59.6%	Theo dõi giải ngân
TNH	21.45	20-21	26-27	19	11.2	42.7%	10.4%	Theo dõi giải ngân
VEA	34.11	32.5-34.5	40-41	31	6.3	-28.2%	-19.7%	Theo dõi giải ngân
DRC	27.00	25-26.3	29.5-30.5	23	13.7	-17.0%	-1.8%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	25.40	22.3	28-28.5	25	13.9%	Nắm giữ
1/11/2023	DTD	24.70	18.6	28-29	24	32.8%	Nắm giữ
8/11/2023	PVT	26.60	24.45	30-31	26	8.8%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	49.50	45.1	52-53	47.5	9.8%	Nắm giữ
22/11/2023	LSS	11.10	11.4	15-16	11	-2.6%	Nắm giữ
19/12/2023	KBC	31.50	30.2	34-35	30	4.3%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	28.30	27.55	30-31	26.5	2.7%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	21.45	20.8	26-27	19	3.1%	Giải ngân giá 20.8

TIN VĨ MÔ

Thặng dư thương mại của Việt Nam với thị trường Âu - Mỹ đạt 125 tỷ USD

Năm 2023, thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và các nước thị trường châu Âu, châu Mỹ giảm 9,5% so với năm 2022. Đầu vậy, Việt Nam vẫn xuất siêu sang khu vực này khoảng 125 tỷ USD... Theo số liệu thống kê của Vụ thị trường châu Âu – châu Mỹ (Bộ Công Thương), tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và khu vực châu Âu, châu Mỹ năm 2023 dự kiến đạt khoảng 208 tỷ USD giảm khoảng 9,5% so với năm 2022. Trong đó, xuất khẩu dự kiến đạt khoảng 166 tỷ USD giảm 9,6%, nhập khẩu dự kiến đạt gần 41 tỷ USD giảm 9,1%.

Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới năm 2023 chạm mức kỷ lục, đạt gần 160.000 doanh nghiệp

Bức tranh doanh nghiệp năm 2023 tiếp tục là điểm sáng của nền kinh tế với số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới cao nhất từ trước tới nay... Số liệu của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư vừa công bố cho thấy bức tranh về tình hình đăng ký doanh nghiệp năm nay tiếp tục là điểm sáng trong toàn cảnh nền kinh tế. Năm nay, gần 160.000 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, cao gấp 1,2 lần mức bình quân giai đoạn 2017-2022 và tăng 4,6% so với ước thực hiện cả năm.

Hà Nội : Mức thưởng Tết cao nhất 205 triệu đồng, giảm một nửa so với năm 2023

Năm 2024, mức thưởng Tết cao nhất tại Hà Nội thuộc về một doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) với 205 triệu đồng/người, giảm một nửa so với mức cao nhất của năm 2023 (400 triệu đồng tại một doanh nghiệp dân doanh)... Mức thưởng thấp nhất là 500.000 đồng/người. Mức thưởng bình quân là 4 triệu đồng/người. Ngày 27/12, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Hà Nội đã thông tin về tình hình thực hiện chính sách lao động, tiền lương, tiền thưởng và quan hệ lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn trên cơ sở báo cáo của hơn 3.000 doanh nghiệp.

Những chính sách mới có hiệu lực trong tháng 1/2024

Trong tháng 1/2024, nhiều chính sách mới có hiệu lực như: chính sách về tuyển dụng lao động nước ngoài, đánh giá gia đình văn hóa... Chính phủ ban hành Nghị định số 83/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán. Phát hành riêng lẻ là phương thức bán trực tiếp trái phiếu Chính phủ cho từng đối tượng mua hoặc lựa chọn ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài làm đại lý phân phối và thanh toán trái phiếu Chính phủ (đại lý phân phối) cho đối tượng mua.

TIN DOANH NGHIỆP

Cổ phiếu Hoa Sen (HSG) được cấp margin trở lại

Ngày 26/12, Sở Giao dịch Chứng Khoán TP.HCM (HOSE) đã ra quyết định về việc đưa cổ phiếu của CTCP Tập đoàn Hoa Sen (mã HSG) ra khỏi danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ. Lý do được HOSE cấp margin trở lại là cổ phiếu HSG đã khắc phục tình trạng không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ. Trước đó, cuối tháng 5/2023, HOSE đã đưa cổ phiếu HSG vào danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ do lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ trên Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 6 tháng (niên độ tài chính 2022-2023) là số âm.

Thép Nam Kim (NKG) chấm dứt dự án đầu tư Nhà máy Ống thép Nam Kim Chu Lai

CTCP Thép Nam Kim (mã NKG - sàn HOSE) thông qua chấm dứt một dự án đầu tư tại tỉnh Quảng Nam. Thép Nam Kim thông qua việc chấm dứt hoạt động dự án đầu tư Nhà máy Ống thép Nam Kim Chu Lai do Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai (nay là Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam) cấp phép lần đầu ngày 9/6/2020. Được biết, tại thời điểm 30/9/2023, Thép Nam Kim đang sở hữu 100% vốn tại Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam Kim Chu Lai, địa chỉ tại đường số 01, KCN hậu cần cảng Tam Hiệp, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Trong đó, giá trị đầu tư là 37,55 tỷ đồng.

KIDO sắp trả cổ tức tiền mặt 10% và chia lại hơn 22.5 triệu cp quỹ cho cổ đông

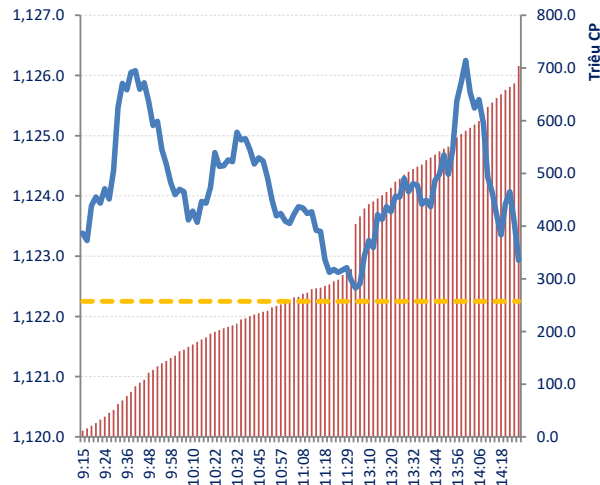
Theo kế hoạch, các cổ đông KIDO sẽ được nhận "quà" cổ tức và cổ phiếu quỹ trong quý 1/2024. Mới đây, HĐQT Tập đoàn KIDO (HOSE: KDC) thông qua nghị quyết chia cổ tức đặc biệt năm 2022 bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 10%, tức mỗi cổ phiếu được nhận 1,000 đồng. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 11/01/2024 và thời điểm thực hiện chi trả là 22/01/2024. Vào đầu tháng 9/2022, KIDO đã trả cổ tức 2022 bằng tiền mặt với tỷ lệ 6% (600 đồng/cp). KIDO dự kiến chia lại cổ phiếu quỹ vào quý 1/2024 sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận đủ hồ sơ.

Sau khách sạn, HAG tiếp tục bán 99% vốn tại bệnh viện để trả nợ trái phiếu

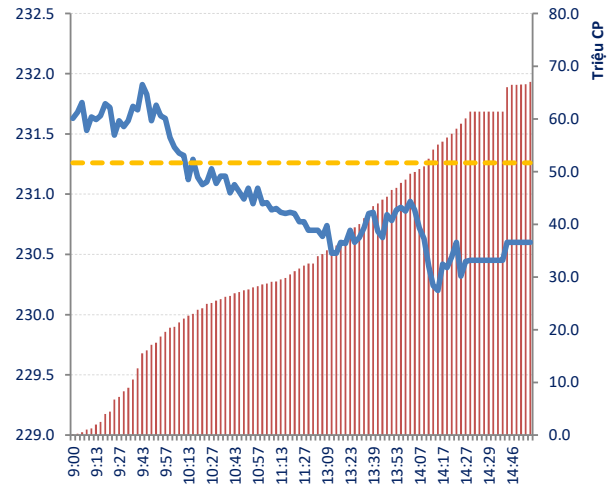
CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HOSE: HAG) mới đây công bố bản trích lục nghị quyết HĐQT về việc chuyển nhượng cổ phần tại CTCP Bệnh viện Đại học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai để trả nợ gốc trái phiếu 2016. Số lượng cổ phần chuyển nhượng là 9.9 triệu cp, chiếm 99% vốn điều lệ tại Bệnh viện Đại học Y Dược Hoàng Anh Gia Lai. Đồng thời, HAG ủy quyền và giao cho bà Hồ Thị Kim Chi - Phó Tổng Giám đốc Công ty đại diện ký các hợp đồng, thỏa thuận, văn bản, tài liệu và triển khai thực hiện các thủ tục liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần nêu trên.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

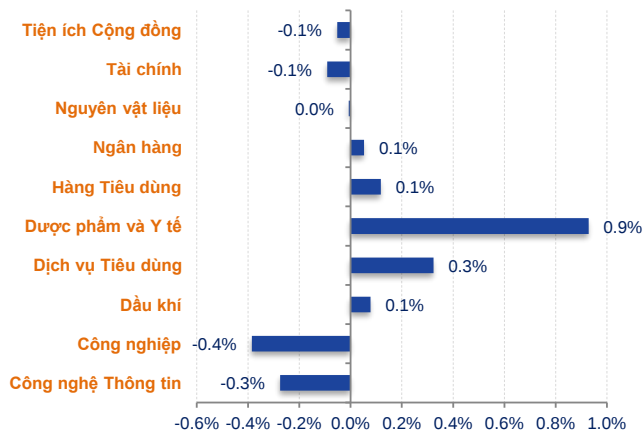
KLGD và VN-Index trong phiên



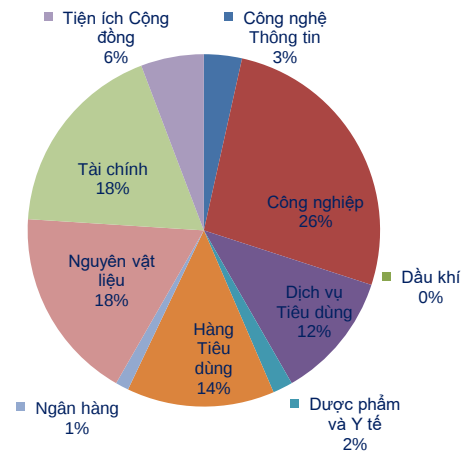
KLGD và HNX-Index trong phiên



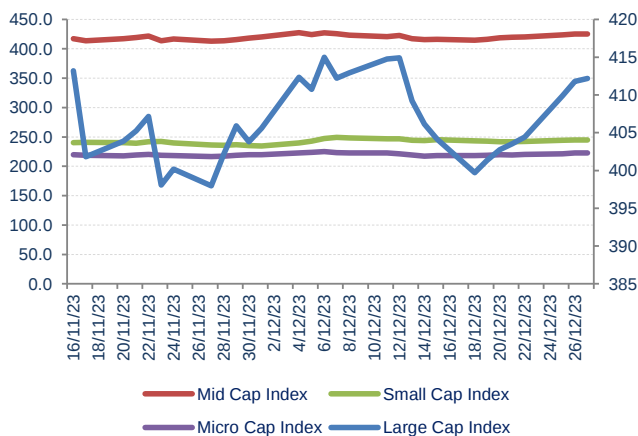
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



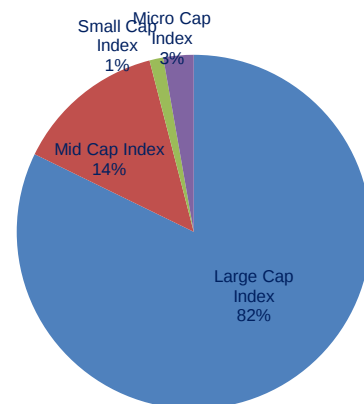
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	TPB	2,450,600	MSB	889,400	1	NRC	120,000	PVS	120,500
2	HCM	1,665,879	POW	865,670	2	TNG	105,200	CEO	117,200
3	VPB	1,004,903	HDG	789,500	3	IDC	50,455	VCS	48,400
4	TCH	682,500	SHB	653,012	4	SHS	49,800	NVB	29,000
5	VHM	681,437	VND	542,034	5	SD5	14,600	VIG	15,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VHM	41.90	41.90	→ 0.00%	96,259,400	SHS	18.70	18.80	↑ 0.53%	14,926,378
EIB	18.25	18.25	→ 0.00%	39,790,868	CEO	23.00	22.80	↓ -0.87%	8,090,760
VPB	18.50	18.50	→ 0.00%	25,301,300	MBS	22.70	22.80	↑ 0.44%	3,100,056
VIX	17.10	17.10	→ 0.00%	22,006,400	PVS	38.80	38.70	↓ -0.26%	2,966,843
VND	21.85	22.00	↑ 0.69%	21,546,400	MST	5.70	5.80	↑ 1.75%	2,916,004

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HNG	4.00	4.28	0.28	↑ 7.00%	SGC	58.00	63.80	5.80	↑ 10.00%
COM	31.50	33.70	2.20	↑ 6.98%	VBC	18.20	20.00	1.80	↑ 9.89%
DC4	8.51	9.10	0.59	↑ 6.93%	BXH	17.60	19.30	1.70	↑ 9.66%
NAV	15.70	16.75	1.05	↑ 6.69%	MCO	6.30	6.90	0.60	↑ 9.52%
VPS	9.90	10.55	0.65	↑ 6.57%	MKV	9.50	10.40	0.90	↑ 9.47%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TDW	49.75	46.30	-3.45	↓ -6.93%	ARM	33.50	30.20	-3.30	↓ -9.85%
LGC	55.00	51.20	-3.80	↓ -6.91%	BST	18.40	16.60	-1.80	↓ -9.78%
HAS	6.55	6.10	-0.45	↓ -6.87%	SFN	17.40	15.70	-1.70	↓ -9.77%
LEC	6.80	6.34	-0.46	↓ -6.76%	PTD	8.20	7.40	-0.80	↓ -9.76%
MDG	13.10	12.45	-0.65	↓ -4.96%	HGM	47.00	43.00	-4.00	↓ -8.51%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	96,259,400	25.0%	9,468	4.4	1.0
EIB	39,790,868	8.3%	1,013	18.0	1.5
VPB	25,301,300	9.7%	1,482	12.5	1.0
VIX	22,006,400	8.2%	1,005	17.0	1.3
VND	21,546,400	7.8%	957	22.8	1.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	14,926,378	5.4%	643	29.1	1.5
CEO	8,090,760	6.7%	955	24.1	1.9
MBS	3,100,056	10.4%	1,104	20.6	2.0
PVS	2,966,843	6.7%	1,846	21.0	1.4
MST	2,916,004	7.8%	891	6.4	0.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HNG	↑ 7.0%	-111.2%	(2,922)	-	1.5
COM	↑ 7.0%	2.9%	880	35.8	1.1
DC4	↑ 6.9%	0.2%	26	327.1	0.7
NAV	↑ 6.7%	20.1%	2,773	5.7	1.1
VPS	↑ 6.6%	4.6%	625	15.8	0.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SGC	↑ 10.0%	18.9%	5,805	10.0	1.8
VBC	↑ 9.9%	18.5%	3,705	4.9	0.9
BXH	↑ 9.7%	4.0%	735	23.9	1.0
MCO	↑ 9.5%	0.4%	52	122.0	0.5
MKV	↑ 9.5%	8.0%	1,205	7.9	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TPB	2,450,600	17.0%	2,483	6.8	1.2
HCM	1,665,879	7.8%	1,356	24.2	1.8
VPB	1,004,903	9.7%	1,482	12.5	1.0
TCH	682,500	2.9%	514	25.7	0.8
VHM	681,437	25.0%	9,468	4.4	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
NRC	120,000	-5.9%	(788)	-	0.4
TNG	105,200	13.4%	1,776	11.5	1.3
IDC	50,455	17.0%	3,177	16.4	3.1
SHS	49,800	5.4%	643	29.1	1.5
SD5	14,600	3.4%	619	11.9	0.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	462,777	22.6%	6,013	13.8	2.9
BID	245,119	17.6%	3,450	12.5	2.1
VHM	182,448	25.0%	9,468	4.4	1.0
GAS	175,471	19.0%	5,283	14.5	2.8
VIC	166,097	2.7%	977	44.6	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	18,545	6.7%	1,846	21.0	1.4
HUT	17,582	0.8%	122	161.8	1.6
IDC	17,193	17.0%	3,177	16.4	3.1
SHS	15,206	5.4%	643	29.1	1.5
THD	13,629	2.9%	460	77.0	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	2.58	-0.2%	(32)	-	0.7
GEX	2.57	2.0%	511	45.9	0.9
CTS	2.53	7.9%	1,020	27.9	2.1
VIX	2.45	8.2%	1,005	17.0	1.3
VPH	2.37	-2.0%	(218)	-	0.8

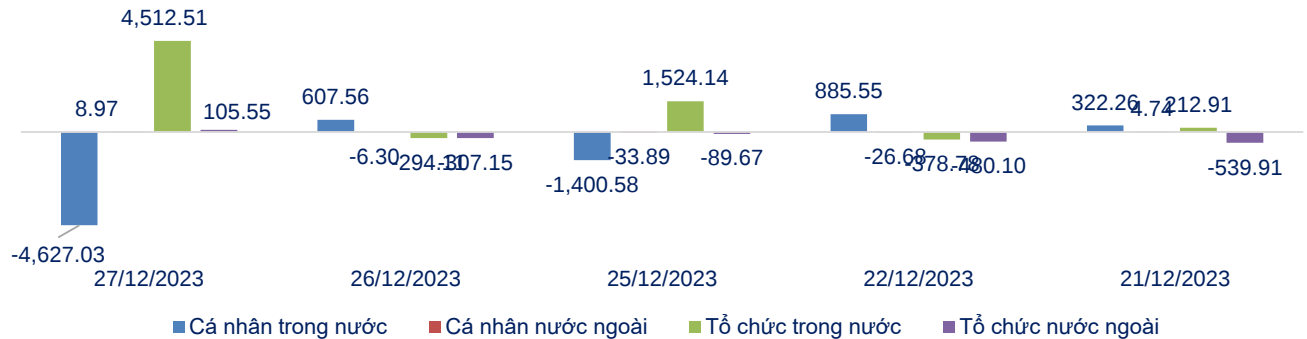
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	2.87	6.2%	599	24.5	1.4
SHS	2.36	5.4%	643	29.1	1.5
VIG	2.25	6.8%	501	15.6	1.1
IVS	2.25	3.4%	362	28.5	0.9
HUT	2.16	0.8%	122	161.8	1.6



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSB	42.12	12.2%	1,368	16.6	1.9
EIB	37.51	8.3%	1,013	18.0	1.5
HAH	36.96	16.3%	4,525	8.5	1.3
GMD	33.76	25.9%	7,606	9.4	2.3
NVL	30.88	-1.4%	(309)	-	0.8

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-4,030.51	25.0%	9,468	4.4	1.0
TDM	-91.73	15.2%	3,139	13.2	1.9
VPB	-72.04	9.7%	1,482	12.5	1.0
HDB	-65.95	20.7%	2,926	6.6	1.3
HPG	-59.12	1.9%	322	86.4	1.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCH	8.76	2.9%	514	25.7	0.8
VNM	6.69	24.4%	4,029	16.9	4.2
SAB	4.60	16.5%	3,286	19.1	3.0
MWG	3.85	3.0%	476	89.7	2.7
GAS	3.47	19.0%	5,283	14.5	2.8

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-11.15	17.2%	2,471	5.1	0.8
VIX	-7.44	8.2%	1,005	17.0	1.3
BID	-3.75	17.6%	3,450	12.5	2.1
PC1	-2.96	3.6%	814	35.3	1.3
DGW	-2.11	16.6%	2,564	20.5	3.3

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	4,001.87	25.0%	9,468	4.4	1.0
TDM	92.24	15.2%	3,139	13.2	1.9
HDB	64.97	20.7%	2,926	6.6	1.3
VPB	53.43	9.7%	1,482	12.5	1.0
HPG	51.28	1.9%	322	86.4	1.6

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSB	-43.17	12.2%	1,368	16.6	1.9
EIB	-37.10	8.3%	1,013	18.0	1.5
HAH	-36.12	16.3%	4,525	8.5	1.3
NVL	-29.50	-1.4%	(309)	-	0.8
DCM	-18.63	15.3%	3,050	10.6	1.8

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HCM	55.63	7.8%	1,356	24.2	1.8
TPB	42.24	17.0%	2,483	6.8	1.2
MSN	30.74	2.2%	572	115.7	2.5
VHM	28.88	25.0%	9,468	4.4	1.0
VCB	19.71	22.6%	6,013	13.8	2.9

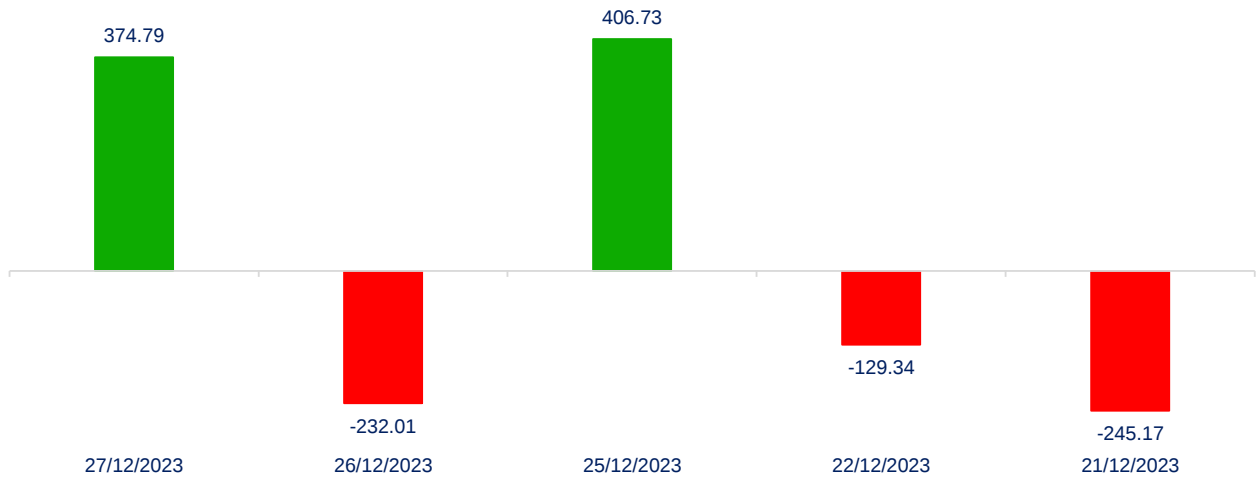
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-42.13	24.4%	4,029	16.9	4.2
HDG	-23.19	9.7%	2,194	13.1	1.2
GMD	-20.55	25.9%	7,606	9.4	2.3
VND	-13.56	7.8%	957	22.8	1.7
NLG	-13.54	4.8%	1,643	22.9	1.1

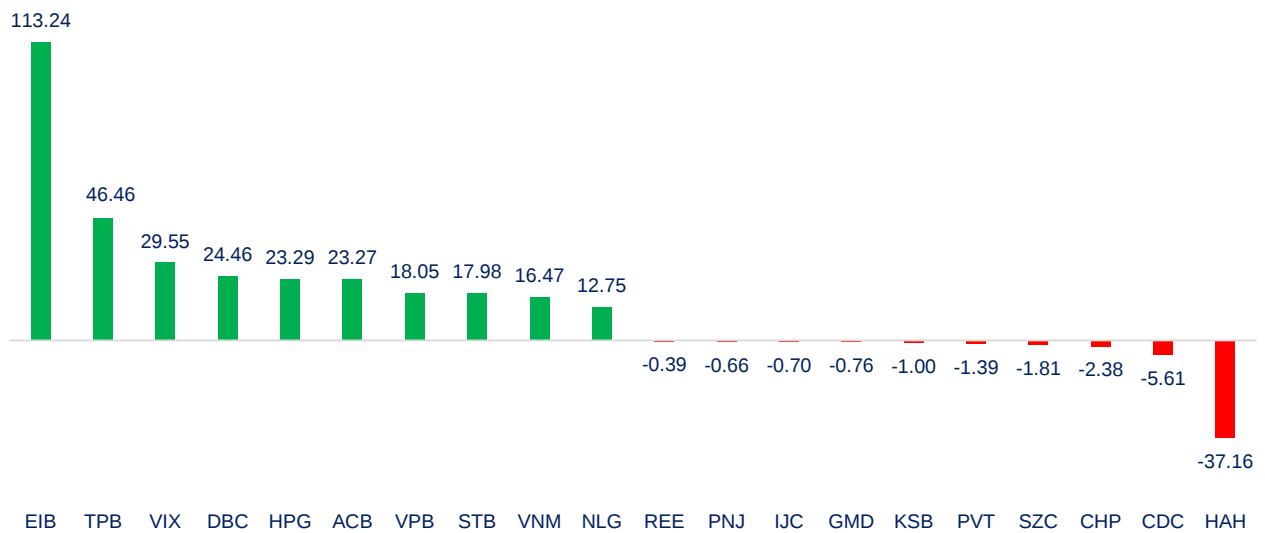


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn